

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 703/KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh - Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 50225HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Bắc Cam Ranh
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hôa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
- Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2



Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung - Nha Trang - Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) (*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi (*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,12	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) (*)	TCVN 12402-1:2020	0,19	2
7	Clo dư tự do (mg/L) (*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,7	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,6	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	14,2	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	16	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	0,02	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,003	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,5	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,004	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,010	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	40	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) (**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0,0007)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(***) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 704 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 50325HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy nước 2
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóá và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
- Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KIỂM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,12	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,22	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,7	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,8	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	17,8	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	15	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	KPH	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,002	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,005	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,011	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	42	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) ^(**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0,0008)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch

(QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 705/...../KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 50425HĐ
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy nước 3
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
8. Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,09	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,27	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,8	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,6	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	17,8	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	16	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	0,04	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,007	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,5	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,004	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,006	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	35	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) ^(**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0,0011)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: ...~~206~~.../KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ THỊ CAM RANH**
- Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 50525HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy nước 1
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
- Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tỉnh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,09	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,21	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,6	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	17,8	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	16	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	0,03	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,011	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,5	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,005	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,011	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	37	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) ^(**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0.0008)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 707 / KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 50625HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại Trạm y tế phường Nam Cam Ranh
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
8. Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tỉnh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,13	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,14	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,8	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	17,8	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	16	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	KPH	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,005	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,006	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,004	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	40	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) ^(**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0,0011)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 708...../KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 50725HĐ
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại chợ Mỹ Thanh
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
8. Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,02	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,15	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,6	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	14,2	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	15	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	0,03	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,009	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,5	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,005	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,004	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	39	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) ^(**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0.0010)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 709.../KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CAM RANH**
2. Địa chỉ: 70 Nguyễn Trọng Kỳ - Phường Cam Linh – Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 50825HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại văn phòng công ty
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm HÓA và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
8. Ngày nhận mẫu: 10/9/2025
9. Thời gian kiểm nghiệm: 10/9/2025 đến 23/9/2025
10. Ngày hẹn trả kết quả: 29/9/2025
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

**KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép ^(***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,13	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,19	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,7	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	14,2	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	15	300
12	Florua (Fluoride) (F ⁻) (mg/L)	HACH 8029:2014	KPH	1,5
13	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,006	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,004	0,9
16	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,005	0,3
17	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250
18	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻) (mg/L)	HACH 8131:2015	KPH	0,05
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (mg/L)	HANNA	53	1000
20	Asen (Arsenic) (As) (mg/L) ^(**)	TCVN 6626:2000	< MQL=0,0012 (0,0010)	0,01

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MQL: Ngưỡng định lượng của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)